TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 03-7-2026
V/v Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Hoàng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2026/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2026/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực T – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1137/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 2001 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sự Đặng Thị Bích P, Văn phòng luật sư Bích P và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Mai Thành K, sinh năm 1989 (có mặt**)**;

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Mai Thành K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu Y trình bày:

Chị Y và anh K tìm hiểu được 01 năm và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 2019, đến năm 2020 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 03/02/2020.

Sau khi cưới, thời gian đầu chị Y và anh K sống chung với nhau tại nhà cha mẹ anh K ở ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) được khoảng 03 tháng thì chị Y mang thai và về nhà cha, mẹ ruột chị Y sinh sống để dưỡng thai. Khi đó anh K vẫn tới lui hai nhà, có khi thì anh K về nhà cha mẹ anh K để sinh sống, có ngày thì anh K về nhà mẹ chị Y.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau khi chị Y sinh bé Mai Bảo A thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là sau khi chị Y sinh con chị Y vẫn ở nhà mẹ chị Y để chăm con, do con còn nhỏ chưa thể trở về nhà anh K thì cha mẹ anh K đòi cưới vợ mới cho anh K, đồng thời anh K cũng không quan tâm lo lắng cho chị Y và con, nên chị Y và anh K thường xảy ra mâu thuẫn hay cự cãi. Cha mẹ chị Y và chị Y có khuyên can nhưng không được nên mâu thuẫn thêm trầm trọng. Ngoài ra, anh K thường hay tụ tập bạn bè chơi bida và gây áp lực tinh thần cho chị Y, không tôn trọng ý kiến của chị Y, xem thường hoàn cảnh gia đình chị Y, không tôn trọng cha mẹ chị Y, chửi luôn cha mẹ chị Y trước sự chứng kiến của những người hàng xóm xung quanh, tình trạng này lập đi lập lại nhiều lần khiến cuộc sống của chị Y và gia đình chị Y bị ảnh hưởng. Chị Y đã nhiều lần cho anh K cơ hội để hàn gắn nhưng không được chị Y và anh K đã sống ly thân từ tháng 10/2025 cho đến nay.

Nay chị Y nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Y yêu cầu xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị Y và anh K có 02 con chung là Mai Bảo A, sinh ngày 23/4/2020 và Mai Thành Đ, sinh ngày 24/4/2024 (hiện chị Y đang nuôi 02 con); chị Y yêu cầu được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn.Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về điều kiện nuôi con, hiện nay chị Y làm tiếp thị thu nhập khoảng 7.500.000 đồng/tháng; ngoài ra chịu Y còn thuê đất để làm vườn, trồng hoa lan để tạo thu nhập đủ điều kiện lo cho các con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Mai Thành K trình bày:

Anh K và chị Y có tìm hiểu được 01 năm và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 2019, đến năm 2020 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 03/02/2020.

Sau khi cưới, thời gian đầu chị Y và anh K sống chung với nhau tại nhà cha mẹ anh K ở ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng

Tháp). Đến khi chị Y mang thai cháu Bảo A được 03 tháng thì chị Y về nhà cha, mẹ của chị Y sinh sống cho đến nay không về nhà của anh K.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là chị Y làm tiếp thị thường xuyên nhậu đến khuya mới về, anh K có khuyên can nhiều lần nhưng chị Y không nghe; anh K làm đưa tiền cho chị Y mua vàng nhưng chị Y mua vàng giả, còn số tiền thì tiêu xài hết. Ngoài ra, từ khi chị Y về nhà cha, mẹ của chị Y thì không cho anh K rước con về nhà cha, mẹ của anh K nên mới phát sinh mâu thuẫn. Anh K và chị Y cũng đã cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng không được, anh K và chị Y đã sống ly thân từ tháng 10/2025 cho đến nay. Anh K vẫn muốn vợ chồng về hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng chị Y không đồng ý, anh K cũng không có biện pháp nào để chị Y về chung sống với anh K, nên chị Y yêu cầu ly hôn thì anh K đồng ý.

Nay anh Mai Thành K nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh K đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Y và anh K có 02 con chung là Mai Bảo A, sinh ngày 23/4/2020 và Mai Thành Đ, sinh ngày 24/4/2024 (02 con sống chung với chị Y từ khi sinh ra cho đến nay). Anh K yêu cầu được nuôi cháu Mai Bảo A, sinh ngày 23/4/2020 sau khi ly hôn, anh K không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về điều kiện nuôi con, hiện nay anh K làm cán nền nhà thu nhập khoảng 30.000.000 đồng/tháng, anh K còn có 03 chiếc xe biển số 66C1-475.90, 66C1-500.07, 66A2-072.05. Ngoài ra, cha, mẹ anh K hứa tặng cho anh K 04 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 53; thửa 1313, 1272, cùng tờ bản đồ số 45; thửa 560, tờ bản đồ số 05 nên anh K đủ điều kiện để lo cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2026/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực T – Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Y.

Chị Nguyễn Thị Thu Y được ly hôn với anh Mai Thành K.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con Mai Bảo A, sinh ngày 23/4/2020 và Mai Thành Đ, sinh ngày 24/4/2024 (hiện nay hai con đang

sống chung với chị Y) cho chị Nguyễn Thị Thu Y tiếp tục nuôi sau khi chị Y và anh K ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị Thu Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Anh Mai Thành K có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu Y và anh Mai Thành K trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu Y và anh Mai Thành K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 26/3/2025, bị đơn anh Mai Thành K nộp đơn kháng cáo đề ngày 20/3/2026, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung Mai Bảo A, sinh ngày 23/4/2020 cho anh Mai Thành K nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu Y cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Mai Thành K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xử chấp nhận giao con chung cho chị Nguyễn Thị Thu Y là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật Hôn nhân và Gia đình; Pháp luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Mai Thành K yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Mai Bảo A, sinh ngày 23/4/2020; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Từ khi anh K và chị Y phát sinh mâu thuẫn và khi ly hôn cho đến nay cháu Mai Bảo A, sinh ngày 23/4/2020 đều do do chị Y nuôi dưỡng. Chị Y nuôi cháu Bảo A là ổn định, bảo đảm được sự phát triển tâm, sinh lý bình

thường của bé. Để bảo đảm tính ổn định và sự phát triển bình thường của cháu Mai Bảo A nên cần tiếp tục giao cháu Bảo A cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.2] Do đó, bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, anh K kháng cáo nhưng không có cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên không được chấp nhận.

[3] Xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Y là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo anh K không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Mai Thành K.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2026/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực T – Đồng Tháp đã căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Y.

Chị Nguyễn Thị Thu Y được ly hôn với anh Mai Thành K.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con Mai Bảo A, sinh ngày 23/4/2020 và Mai Thành Đ, sinh ngày 24/4/2024 (hiện nay hai con đang sống chung với chị Y) cho chị Nguyễn Thị Thu Y tiếp tục nuôi sau khi chị Y và anh K ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị Thu Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Anh Mai Thành K có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu Y và anh Mai Thành K trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu Y và anh Mai Thành K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí:

5.1 Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu Y phải chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thu Y đã nộp 300.000 đồng được trừ vào án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Y phải chịu. Chị Nguyễn Thị Thu Y được nhận lại 150.000 đồng theo Biên lai thu số 0009145 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5.2 Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Mai Thành K phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0004397 ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như anh đã thi hành xong phần án phí Hôn nhân gia đình Phúc thẩm.

6. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GĐ,KT,TT&THA Tỉnh;
- TAND Khu vực T – Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực T – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình